

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-7-2025  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoa Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
2. Bà Lê Thị Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1990; CCCD số: 038090034819, cấp ngày 07/02/2023; thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là Thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa); tạm trú: 122B/2 khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là 122B/2 khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà Mã Thị H, sinh năm 1992; CCCD số 038192028362 cấp ngày 10/10/2022; thường trú: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa); tạm trú: 40/41 D khu dân cư V, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là 40/41 D khu dân cư V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày ý kiến, quá trình làm việc nguyên đơn trình bày:*

Ông Lê Văn T và bà Mã Thị H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013 ngày 22/7/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau, sự bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Diệu L, sinh ngày 05/8/2013 và Lê Thiên A, sinh ngày 16/11/2020. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, đồng ý để cháu Lê Thiên A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong đơn đề ngày 13/6/2025, bị đơn bà H trình bày:

Bà H nhận được các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, tuy nhiên do bà không thể xin nghỉ việc nên không thể đến Tòa tham gia làm việc, bà xin vắng mặt trong tất cả những buổi làm việc, xét xử của Tòa án và có ý kiến như sau: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Văn T, đồng ý giao con chung tên Lê Thị Diệu L, sinh ngày 05/8/2013 cho ông T nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng; bà yêu cầu được nuôi con chung là Lê Thiên A, sinh ngày 16/11/2020 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu đã trình bày, đồng ý cấp dưỡng cho con chung tên Lê Thiên A như yêu cầu của bà H. Các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm. Về việc giải quyết vụ án: Qua ý kiến, yêu cầu của các đương sự đã có sự thống nhất, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại 4 D khu dân cư V, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là 40/41 D khu dân cư V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Mã Thị H là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013 ngày 22/7/2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông T khai vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, sự bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ lâu, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nên ông xin ly hôn. Trong đơn ghi ý kiến, bà H đồng ý ly hôn với ông T. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của ông T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Lê Thị Diệu L, sinh ngày 05/8/2013 và Lê Thiên A, sinh ngày 16/11/2020. Ông T yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, đồng ý để cháu Lê Thiên A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, ông T thống nhất như ý kiến này của bà H.

Như vậy, ý kiến thống nhất của ông T và bà H hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật và nguyện vọng của cháu Lê Thị Diệu L. Do đó, ghi nhận sự thống nhất này của các đương sự.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3.] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 213, 227, 228, 238, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T đối với bà Mã Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn với bà Mã Thị H.

- Về con chung: Ông Lê Văn T nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Diệu L, sinh ngày 05/8/2013. Bà Mã Thị H nuôi dưỡng con chung tên Lê Thiên A, sinh ngày 16/11/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ông Lê Văn T không yêu cầu bà Mã Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Diệu L.

Ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Thiên A, sinh ngày 16/11/2020 mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, nếu có căn cứ Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình, 30.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, tổng số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000896 ngày 07/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh), ông T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 - TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh (Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh);
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Thọ Phú, tỉnh Thanh Hóa) (GCNKH số 46/2013 ngày 22/7/2013)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hoa Hạnh**